

TÌM HIỂU MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TRONG PHONG TRÀO LÀNG MỚI CỦA HÀN QUỐC DỰA TRÊN HỌC THUYẾT VỀ LOCAL NETWORK GOVERNANCE

Trần Hữu Trí*

*Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN,
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 15 tháng 05 năm 2018

Chỉnh sửa ngày 29 tháng 11 năm 2018; Chấp nhận đăng ngày 30 tháng 11 năm 2018

Tóm tắt: Bài viết tập trung nghiên cứu về phong trào làng mới Hàn Quốc dựa trên học thuyết về Local Network Governance (LNG). LNG có đặc điểm là nhấn mạnh vai trò, sự hợp tác hữu cơ giữa các chủ thể trong việc giải quyết vấn đề xã hội hay phát triển khu vực. Có thể nói, đây là một học thuyết rất quan trọng để đánh giá, phân tích phong trào phát triển nông thôn. Nhìn chung, quá trình phát triển nông thôn được hình thành bởi ba trục chính là trung ương, địa phương và người dân và tùy theo mức độ hợp tác và quan hệ tương tác của các chủ thể này, mức độ về thành quả đạt được cũng khác nhau. Qua bài nghiên cứu này, chúng tôi đưa ra một số gợi ý để xây dựng mô hình phát triển nông thôn mới của Việt Nam trên cơ sở phân tích và đánh giá phong trào làng mới của Hàn Quốc dựa trên những đặc trưng của học thuyết này.

Từ khóa: Local Network, Governance, phong trào làng mới Hàn Quốc, phát triển nông thôn mới

1. Đặt vấn đề

Phong trào làng mới (Saemaeul Undong) của Hàn Quốc đã bắt đầu được thực hiện từ những năm 1970 tại Hàn Quốc để phát triển nông thôn và giảm khoảng cách chênh lệch giữa thành phố và nông thôn. Sau gần một thập kỷ thực hiện (từ năm 1970 đến năm 1979, được chia thành 3 giai đoạn, giai đoạn 1 từ năm 1970 đến năm 1973: tập trung về xây dựng nền tảng, giai đoạn 2 từ năm 1974 đến năm 1976: mở rộng quy mô các dự án, giai đoạn 3 từ năm 1977 đến năm 1979: nâng cao hiệu quả thực hiện), phong trào đã đạt được nhiều thành quả ngoài mong đợi như việc cải thiện môi trường và đời sống của người dân nông thôn, đặc biệt là đã giảm thiểu được khoảng cách chênh lệch giữa nông thôn và thành phố một cách đáng kể. Điều này cũng góp phần giúp Hàn Quốc phát triển kinh tế

manh mẽ từ những năm 80 và tạo nên “kỳ tích sông Hàn” mà nhiều quốc gia thường đưa ra như một ví dụ tiêu biểu về phát triển kinh tế khi nói đến Hàn Quốc. Việt Nam cũng là một quốc gia nông nghiệp với hơn 60% người dân tham gia vào quá trình sản xuất nông nghiệp. Sau khi chương trình 134, 135¹ về phát triển nông thôn và các khu vực miền núi khó khăn được thực hiện nhưng chưa tạo được bước đột phá, tại Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X năm 2008, Nghị quyết 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông thôn và nông

¹ Chương trình 134 là chương trình cấp quốc gia về xóa đói giảm nghèo cho các dân tộc thiểu số ở Việt Nam và được thực hiện từ năm 2004. Chương trình 135 là chương trình phát triển kinh tế để hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất ở khu vực kinh tế khó khăn như khu vực miền núi, khu vực biên giới hay khu vực đặc biệt khó khăn trên toàn quốc. Chương trình này được chia làm hai giai đoạn: giai đoạn một từ năm 1997 đến năm 2005, giai đoạn hai từ năm 2006 đến 2010.

* ĐT.: 84-971424683

Email: t2ha@hanmail.net

dân đã được ban hành và chính thức thực hiện từ năm 2010 đến năm 2020. Từ năm 2015, Bộ Nội vụ Việt Nam cũng cử nhiều đoàn cán bộ phụ trách nông thôn sang Hàn Quốc học tập và tìm hiểu về những ưu điểm của phong trào làng mới của Hàn Quốc nhằm đưa ra được một phương thức xây dựng nông thôn mới bền vững và hiệu quả.

Ưu điểm của phong trào làng mới của Hàn Quốc là có sự tham gia tích cực của người dân, sự lãnh đạo kịp thời của chính phủ, sự quản lý và xây dựng mạng lưới khu vực hiệu quả. Đây chính là những điểm mạnh của học thuyết về LNG khi đánh giá mô hình và hiệu quả thực hiện của phong trào làng mới Hàn Quốc (Moon Young Hun, 2012). Còn phong trào phát triển nông thôn ở Việt Nam chưa đạt được nhiều thành công nổi bật do thiếu sự gắn kết giữa các lực lượng tham gia giữa trung ương, địa phương và người dân nên không tạo được sự đột phá cũng như kêu gọi được sự tham gia tích cực từ người dân. Do đó, Việt Nam cần xem xét và tìm hiểu một số những điểm mạnh trong phong trào làng mới của Hàn Quốc để áp dụng vào thực tế nông thôn ở Việt Nam. Bài viết này sẽ tập trung vào việc phân tích và xây dựng mô hình phát triển làng mới của Hàn Quốc dưới góc nhìn của học thuyết LNG, từ đó đưa ra gợi ý cho việc xây dựng mô hình phát triển nông thôn mới tại Việt Nam trong thời gian tới.

2. Một số vấn đề lý luận

2.1. Khái niệm về Network

Khái niệm về Network được định nghĩa khác nhau tùy theo học giả nhưng trong nghiên cứu này, chúng tôi tìm hiểu định nghĩa về Network trên quan điểm phát triển nông thôn và phát triển khu vực.

Theo từ điển Thế giới mới của Webster, Network chỉ nhóm hay đoàn thể nào đó có liên quan lẫn nhau một cách không chính thức và

được cấu thành bởi những nhân tố đặc biệt, một hệ thống hay một mắt xích nối kết với nhau thông qua tổ chức, cầu nối hay kênh thông tin nhất định nào đó. Theo từ điển xã hội học, Network là một chuỗi các quan hệ để kết nối con người, tổ chức, đoàn thể hay vị trí xã hội nào đó. Khái niệm về Network đã trở thành khái niệm trọng tâm của ngành xã hội học từ sau những năm 1970. Nói một cách đơn giản, thông qua Network có thể giải thích được các vấn đề của tổ chức hay quyền lực của tổ chức trong xã hội.

Tuy nhiên, tác giả Lee Ho (2003) lại cho rằng, nếu phong trào phát triển nông thôn được thực hiện thông qua quá trình chia sẻ tài nguyên của người dân nông thôn thì khái niệm Network có thể được hiểu là sự liên kết các tài nguyên đa dạng như đất canh tác, kinh nghiệm sản xuất hay tính tự giác tham gia phong trào phát triển nông thôn để tạo nên mối quan hệ mật thiết giữa các yếu tố này. Theo Kim Yong Woong (2009), Network là mạng lưới liên kết để chia sẻ thông tin, hợp tác giữa các chủ thể đa dạng nên Network có những đặc trưng như tính tương hỗ (reciprocity), phụ thuộc lẫn nhau (interdependence), quan hệ đối tác, quyền chủ đạo vv... Những yếu tố này là sức mạnh để hình thành các mối quan hệ giao lưu hợp tác và trao đổi thông tin. Bên cạnh đó, tác giả Loffler (2007) đưa ra quan điểm rằng Network được cấu thành bởi các nhân tố đa dạng có chiến lược và mục đích riêng biệt và phụ thuộc lẫn nhau để đạt được kết quả trong chính sách chung. Tóm lại, khái niệm Network được nghiên cứu trong bài viết này có thể được định nghĩa là các mối quan hệ liên kết thông qua trao đổi thông tin, hợp tác tương hỗ lẫn nhau để đạt được mục tiêu nào đó mà các chủ thể trong xã hội như chính phủ, đoàn thể hay cá nhân đề ra.

Local Network có thể được gọi là mạng liên kết trong khu vực, cùng nhau hợp tác để hỗ

trợ cho các hoạt động mà các chủ thể đa dạng trong khu vực tham gia. Chủ thể của Local Network có thể khác nhau tùy thuộc vào cơ cấu hay mức độ phát triển của khu vực đó. Điều đó có nghĩa là các chủ thể xuất hiện trong mạng lưới khu vực sẽ không giống nhau tùy theo cơ cấu hay mức độ phát triển của khu vực đó.

Phong trào làng mới của Hàn Quốc được thực hiện dưới sự chỉ đạo chủ yếu từ chính phủ nhưng phong trào cũng đề cao vai trò của địa phương và sự tham gia tích cực của người dân. Trong những năm 1970, tại Hàn Quốc có nhiều chủ thể đa dạng nhưng nếu không có sự hợp tác, hiệp lực lẫn nhau giữa các chủ thể thì chắc chắn sẽ không thể thực hiện thành công các dự án phát triển nông thôn. Hơn nữa, để nâng cao sự tham gia tích cực của người dân, trung ương và địa phương cũng phải không ngừng nỗ lực. Vì thế, cả ba chủ thể là trung ương, địa phương và người dân phải hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau thì mới có thể tạo nên thành công của phong trào phát triển nông thôn.

2.2. Local Network Governance và phong trào phát triển nông thôn

Governance (quản trị) là khái niệm xuất hiện từ những năm 1980 để phân biệt với khái niệm Government (chính phủ). Thuật ngữ này bao gồm các chủ thể trong xã hội và là khái niệm quan trọng trong việc tạo nên mạng lưới liên kết và cung cấp dịch vụ. Theo Guy Peters (2000), Governance là khái niệm về sự điều chỉnh, chỉnh hướng trong việc hoạch định chính sách. Governance chỉ các hành vi hướng dẫn, điều chỉnh các chủ thể đa dạng có liên quan khi định phương hướng và mục tiêu nào đó. Ngoài ra, Liên hợp quốc (2008) định nghĩa Governance là quá trình thực hiện các quyết định hoặc đưa ra các kế hoạch và nhấn mạnh tính minh bạch, hiệu quả và sự tham gia trong quá trình thực hiện mục tiêu của các chủ thể. Governance được sử dụng với ý nghĩa là phương thức, hành vi thống trị hay hợp

trị (governing) và có nhiều cách định nghĩa khác nhau. Governance không phải là một học thuyết riêng biệt về mặt quy phạm hay thực nghiệm mà là khung phân tích hay quan điểm về cách thức thống trị và quản trị mới. Trước hết, nó quy định ai có quyền hạn đặc biệt hay có quyền lợi và ý nghĩa đối với các thành viên trong nhóm. Governance xuất phát từ việc thống trị các quy tắc quy định nghĩa vụ và quyền lợi của các thành viên cũng như có thể điều chỉnh hay hạn chế nghĩa vụ và quyền lợi để giải quyết các vấn đề mà các thành viên trong nhóm gặp phải. Mặt khác, Governance còn là cơ chế giải quyết vấn đề liên quan đến chính phủ và là kết quả của việc tương tác giữa các chủ thể tham gia có quan hệ lợi ích với nhau theo các quy định chính thức và các điều khoản phi chính thức.

Hiện nay, trong hệ thống chính trị quốc tế, khái niệm Governance đang được sử dụng như một phương thức hợp tác và giải quyết các vấn đề chung xuyên quốc gia trên toàn thế giới. Trước đây, sự tương tác giữa các quốc gia có chủ quyền là yếu tố quan trọng để quyết định trật tự trong quan hệ quốc tế, nhưng ngày nay, do toàn cầu hóa, đã xuất hiện nhiều các yếu tố phi chính phủ đa dạng thúc đẩy sự thay đổi trật tự thế giới, cơ chế thống trị trong nước và thúc đẩy sự hợp nhất, thống nhất trong quan hệ quốc tế. Thực tế, Governance đang được sử dụng với ý nghĩa rộng hơn như tính tự do từ các quốc gia, quy luật Game² trong trật tự thế giới, trao đổi tài nguyên, mạng lưới liên kết các tổ chức với phương thức tương tác và tự

² Quy luật Game hay còn gọi là Lý thuyết trò chơi là một nhánh của Toán học ứng dụng. Ngành này nghiên cứu các tình huống chiến thuật, trong đó, có các đối thủ lựa chọn các hành động khác nhau để cố gắng đạt được kết quả tối ưu. Lý thuyết này cũng nghiên cứu cách lựa chọn hành vi tối ưu khi chi phí và lợi ích của mỗi lựa chọn là không cố định mà phụ thuộc vào lựa chọn của các cá nhân khác.

tổ chức hóa một cách riêng biệt khác với việc nắm giữ chính phủ hay có quyền thống trị.

Trong hệ thống hành chính của quốc gia, khái niệm Governance cần có sự hợp tác, thống nhất để thực hiện các chính sách chung của quốc gia đó vì nó không được áp dụng ở cơ cấu Network trong các phương thức trước đây. Học thuyết Local Network quản lý trực tiếp về sự tương tác trong nội bộ Network và ảnh hưởng đến các cơ chế để thúc đẩy các điều kiện hợp tác một cách gián tiếp. Nếu như hệ thống trật tự trước đây lấy việc điều chỉnh tập trung trung ương và luật pháp làm trọng tâm, còn thị trường lấy cung cầu làm cơ chế chính thì trong Network Governance, sự tin cậy lẫn nhau là cơ chế hợp tác trọng tâm.

Hiện nay, trong thế kỷ 21, Governance là khái niệm để giải quyết các vấn đề về chính sách công do sự thay đổi môi trường quốc tế có tính phức tạp, tính linh động giữa các yếu tố tham gia và tính đa dạng của các nhân tố tham gia. Không có nhiều sự khác biệt theo môi trường trong và ngoài quốc gia nhưng yêu cầu về việc xây dựng Network một cách hiệu quả của chính phủ ngày càng được tăng cao. Và để giải quyết các vấn đề chung của xã hội, xây dựng cơ chế hợp tác hữu cơ giữa chính phủ, thị trường và người dân có thể giảm gánh nặng cho chính phủ, nâng cao tính trách nhiệm (responsibility) của các nhân tố lợi ích liên quan, tìm phương án mới để giải quyết các vấn đề chung thông qua việc duy trì quan hệ hợp tác bền vững giữa các quốc gia và xã hội.

Có nhiều cách phân loại Governance tùy theo tiêu chí, cách tiếp cận, chủ thể hay nội dung. Thứ nhất, nếu phân loại theo tiêu chí và cách tiếp cận thì có Global Governance (Quản trị toàn cầu), National Governance (Quản trị quốc gia), Local Governance (Quản trị khu vực). Thứ hai, nếu phân loại theo chủ thể trọng tâm thì có Governance lấy trọng tâm là chính phủ và Governance lấy trọng tâm là

thị trường. Thứ ba, nếu phân loại theo cơ cấu hành chính thì có Old Governance (Quản trị kiểu cũ) và New Governance (Quản trị kiểu mới). Thứ tư, nếu phân loại theo nội dung hay vấn đề thì có Corporate Governance (Quản trị doanh nghiệp), Public Governance (Quản trị công), nếu theo hệ thống vận hành thì có Good Governance (Quản trị tốt), Network Governance (Quản trị mạng lưới).

Bài nghiên cứu này sẽ tập trung tìm hiểu mô hình phát triển của phong trào làng mới của Hàn Quốc dưới góc nhìn của học thuyết về LNG. Đặc điểm chính của LNG là mối quan hệ hợp tác hữu cơ để giải quyết các vấn đề xã hội. Thông qua mạng lưới được hình thành bởi tất cả các chủ thể trong xã hội, có thể vừa đưa ra yêu cầu thay đổi về hành chính đối với chính phủ vừa có thể trao đổi ý kiến và phát triển xã hội khu vực. Chính phủ tiếp thu những ý kiến này và có thể áp dụng trong việc cung cấp dịch vụ hiệu quả cho toàn xã hội. Đặc điểm thứ hai của LNG là đề cao vai trò của tất cả các chủ thể trong xã hội để duy trì sự hợp tác, hỗ trợ hiệu quả giữa chính phủ và người dân. Nếu như phương thức thống trị trước đây lấy chính phủ làm trọng tâm mang tính hình thức và quyền hạn của chính phủ trung ương gần như là không thể can thiệp thì LNG có thể hình thành mối quan hệ hợp tác và tương tác lẫn nhau thông qua nguyên tắc hỗ trợ, ‘có đi có lại’ (reciprocity) một cách hiệu quả.

3. Thiết lập tiêu chí phân tích và mô hình phát triển nông thôn

Như đã trình bày ở trên, Network Governance có đặc điểm là nhấn mạnh vai trò, sự hợp tác hữu cơ giữa các chủ thể trong việc giải quyết vấn đề xã hội hay phát triển nông thôn nên đây là một lý luận rất quan trọng để đánh giá, phân tích phong trào phát triển nông thôn. Nhìn chung, quá trình phát triển nông thôn được hình thành bởi ba trục chính là trung ương, địa phương và người dân

và tùy theo mức độ hợp tác và quan hệ tương tác của các chủ thể này, mức độ về thành quả đạt được cũng khác nhau. Nói một cách khác, việc phân tích phong trào phát triển nông thôn dựa trên học thuyết về Network Governance là rất quan trọng vì có thể tạo ra được nhiều thay đổi về thành quả tùy theo vai trò, mức độ mạnh yếu và quan hệ hợp tác của từng chủ thể trong phong trào phát triển nông thôn.

Bài viết này tìm hiểu mô hình phát triển nông thôn Hàn Quốc dựa trên bối cảnh thực hiện, phương thức thực hiện, kết quả và các

yếu tố dẫn đến thành công của phong trào phát triển nông thôn. Đặc biệt, mô hình sẽ tập trung phân tích chi tiết ảnh hưởng của phương thức thực hiện của ba chủ thể chính trong phong trào là trung ương, địa phương và người dân đến kết quả của phong trào. Network giữa ba chủ thể này được hình thành và chịu ảnh hưởng như thế nào cũng được phân tích trong bài viết này. Tiêu chí phân tích dựa trên mối quan hệ hợp tác giữa ba chủ thể trong phong trào phát triển nông thôn được đề cập ở trên. Các tiêu chí và mô hình phát triển được trình bày cụ thể như bảng dưới đây.

Bảng 1. Mô hình phân tích phong trào làng mới của Hàn Quốc

Trước phong trào (1)	Trong quá trình thực hiện phong trào (2)			Kết quả (3)
Tính cần thiết để phát triển nông thôn (chính trị, kinh tế, xã hội)	Trung ương	Địa phương	Người dân	Thu nhập, môi trường, tinh thần
	- Mức độ mạnh yếu của từng chủ thể: Được quyết định theo mức Mạnh, Vừa, Yếu theo quyền chủ đạo và tỉ lệ tham gia ngân sách			
	- Quan hệ hợp tác giữa các chủ thể			
	Phương thức thực hiện			
	- Phương thức hỗ trợ - Chế độ khen thưởng - Chế độ tuyển chọn và đào tạo cán bộ cơ sở	- Xây dựng hệ thống tổ chức - Phân chia vai trò của các chủ thể	- Phương thức tham gia tích cực của người dân	

4. Đánh giá các điểm mạnh của phong trào làng mới Hàn Quốc dựa theo học thuyết về Local Network Governance

Phân tích cụ thể mức độ mạnh yếu của các chủ thể tham gia và sự hợp tác giữa các chủ thể là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá sự thành công của phong trào làng mới ở Hàn Quốc. Mức độ mạnh yếu của các chủ thể tham gia cho thấy tầm quan trọng của các chủ thể và quá trình chuyển giao trong các giai đoạn phát triển nông thôn trong phong trào làng mới ở Hàn Quốc. Sự hợp tác giữa các chủ thể tham gia thể hiện tính liên kết và sự tương tác giữa các chủ thể dựa trên vai trò của họ trong quá trình thực hiện các dự án trong phong trào làng mới. Dưới đây là

những đánh giá về mức độ mạnh yếu của các chủ thể và sự tương tác của các chủ thể trong phong trào làng mới của Hàn Quốc dựa theo học thuyết về LNG.

Thứ nhất, mức độ mạnh yếu của các chủ thể tham gia trong phong trào làng mới quyết định vai trò tiên quyết trong các dự án trong giai đoạn đầu của phong trào. Lúc đầu, các dự án chủ yếu do chính phủ trung ương hỗ trợ bằng việc cung cấp các nguyên vật liệu và kinh phí để xây dựng nông thôn. Cụ thể, Chính phủ Hàn Quốc đã cung cấp cho mỗi làng 500 bao xi măng và khoảng 1 tấn sắt thép để thực hiện các dự án cần thiết phục vụ nhu cầu xây dựng và phát triển làng đó, đặc biệt là các dự án cải tạo đường sá, nơi giặt quần áo

chung, kênh mương, v.v. Dần dần, các dự án về cải thiện môi trường, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống tinh thần của khu vực nông thôn được thực hiện ở các giai đoạn tiếp theo. Ở giai đoạn đầu, yếu tố ‘cần cù, tự lập và hiệp lực’ của người dân địa phương được đề cao và là phương châm chủ đạo để thực hiện các mục tiêu đề ra, trong đó có mục tiêu ‘nâng cao thu nhập của người dân’. Đây là nhu cầu quan trọng của người dân địa phương cần sự hợp lực của cả tập thể, cả làng nên các dự án này đã trở thành nguồn động lực quan trọng để người dân cùng nhau hợp tác và tích cực tham gia các dự án xây dựng nông thôn mới. Càng ở giai đoạn sau của dự án, khi mục tiêu ‘tăng thu nhập’ được cải thiện rõ rệt, vai trò của người dân địa phương càng được nâng cao. Điều đó cho thấy có sự chuyển dịch từ phong trào do chính phủ làm chủ đạo sang phong trào do người dân địa phương làm chủ đạo. Đây chính là một yếu tố quan trọng mà các phong trào xây dựng nông thôn mới của Việt Nam còn đang thiếu và yếu trong quá trình thực hiện.

Thứ hai, như đã đề cập ở trên, yếu tố quan trọng thứ hai của học thuyết LNG phong trào làng mới ở Hàn Quốc là sự hợp tác giữa ba chủ thể chính trong phong trào phát triển nông thôn: trung ương, địa phương và người dân. Sự kết hợp hài hòa giữa ba chủ thể này trong từng giai đoạn đã làm tăng hiệu quả của các dự án thực hiện ở nông thôn. Người dân địa phương đã tích cực tham gia cùng với chính phủ trung ương, địa phương trong hầu hết các dự án mà chính phủ lên kế hoạch từ trước như dự án nâng cao thu nhập, cải thiện môi trường và đời sống tinh thần. Ở mỗi làng đều lựa chọn cán bộ cơ sở có đủ phẩm chất lãnh đạo, được người dân tín nhiệm. Đặc biệt, người phụ trách phong trào làng mới cấp làng đều có một cán bộ nam và một cán bộ nữ. Chính điều này đã làm cho sự nối kết giữa người dân và lãnh đạo địa phương trở nên mật thiết hơn và hiệu quả thực hiện dự án cũng được nâng cao hơn.

Những cán bộ cơ sở này đều không rập khuôn theo chỉ đạo từ trung ương mà luôn phối hợp với người dân địa phương để điều chỉnh sao cho phù hợp với tình hình thực tế của làng mình. Bởi vậy nên có thể nói mối quan hệ giữa chính phủ trung ương và người dân địa phương không đơn thuần là mối quan hệ trên dưới mà là mối quan hệ tương tác, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực hiện các dự án tại địa phương. Bên cạnh đó, Ban chỉ đạo Trung ương về phong trào làng mới do Bộ trưởng Bộ Nội vụ và các thứ trưởng các bộ đảm nhiệm đã góp phần nâng cao hiệu quả giám sát và thực hiện các dự án tại địa phương. Với sự giám sát và chỉ đạo của Ban chỉ đạo này, các đơn vị liên quan, liên ngành đã phối hợp nhịp nhàng và hưởng ứng tích cực theo các chỉ đạo của trung ương và nguyện vọng của người dân địa phương. Cụ thể, từ năm 1973, từ cấp trung ương đến địa phương đã thống nhất tên gọi cho việc triển khai thực hiện phong trào phát triển nông thôn là ‘Phong trào làng mới’. Điều này góp phần vào việc kiện toàn bộ máy hành chính và rút ngắn được các hạn chế trong quá trình chỉ đạo và thực hiện các nội dung của phong trào làng mới. Lúc đầu, các công việc chủ đạo được chính phủ trung ương trực tiếp chỉ đạo và thực hiện nhưng dần dần các quyền hạn này được giao về địa phương tạo nên sự chuyển giao vai trò phù hợp theo từng giai đoạn trong quá trình thực hiện phong trào làng mới ở Hàn Quốc. Nhờ đó, chính phủ có thể nhận được sự tín nhiệm từ người dân địa phương đồng thời cũng có thể hiểu rõ được các mong muốn của người dân địa phương để từ đó thay đổi phương thức thực hiện cũng như các chính sách phát triển nông thôn cho phù hợp với tình hình thực tế. Nói một cách khác, phong trào làng mới tại Hàn Quốc đã gặt hái được nhiều thành công ngoài mong đợi là nhờ các chủ thể (trung ương, địa phương và người dân) đã tích cực hợp tác lẫn nhau trong quá trình thực hiện và các chủ thể tạo được sự

liên kết và nâng cao sự tham gia tích cực của người dân địa phương. Chính sự tham gia tích cực của người dân địa phương đã làm cho các dự án phát triển nông thôn thực hiện nhanh chóng và hiệu quả hơn so với dự tính ban đầu của chính phủ.

5. Một số đề xuất

Thông qua việc tìm hiểu các khái niệm về Network và Governance, chúng ta có thể hiểu rõ thêm về các đặc trưng của LNG trong việc phân tích và đánh giá các yếu tố thành công của phong trào làng mới ở Hàn Quốc. Bài viết này chỉ tập trung tìm hiểu mô hình phát triển phong trào làng mới dựa trên học thuyết về LNG vì học thuyết này nhấn mạnh sự tham gia tích cực của người dân và sự quản lý cũng như xây dựng mạng lưới khu vực hiệu quả. Do đó, ta có thể biết được rằng tại sao phong trào làng mới của Hàn Quốc đã đạt được nhiều thành công to lớn và quá trình hình thành LNG theo phương thức nào. Đặc biệt là LNG được hình thành giữa ba chủ thể chính trong phong trào làng mới của Hàn Quốc; điều đó có thể giúp Việt Nam tìm ra một phương thức tiếp cận mới có ý nghĩa để thực hiện dự án hiệu quả hơn trong những năm tiếp theo của chương trình xây dựng nông thôn mới tại Việt Nam. Đây cũng là điểm còn hạn chế trong chương trình xây dựng nông thôn mới của Việt Nam.

Mặc dù Việt Nam đã đạt được một số thành tựu sau khi triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới nhưng vẫn chưa thu hút được sự tham gia tích cực từ người dân địa phương nên cần có một phương thức mới phù hợp hơn để phát triển phong trào một cách toàn diện. Hơn nữa, để không lặp lại những sai lầm và vấn đề mà Hàn Quốc đã gặp phải trong quá trình thực hiện phong trào làng mới, Chính phủ Việt Nam cần lựa chọn những ưu điểm của phong trào làng mới của Hàn Quốc như phương thức hợp tác giữa các chủ thể, nâng cao sự tham gia tích cực của người dân, chế độ tuyển chọn và đào tạo cán bộ cơ sở vv... để áp dụng vào chương

trình xây dựng nông thôn mới một cách hiệu quả hơn. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, cần phải duy trì mối quan hệ hợp tác giữa chính phủ và người dân. Điều này có nghĩa là chính phủ cần phải vừa thực hiện tốt vai trò và nhiệm vụ của mình vừa phải xây dựng được hệ thống, cơ chế tương tác và hỗ trợ từ trung ương đến địa phương.

Thứ hai, cần có sự tham gia tích cực của người dân địa phương. Người dân địa phương phải có sự nhận thức cao hơn về việc xây dựng nông thôn mới, từ đó giúp họ hiểu được việc xây dựng nông thôn mới gắn liền với nhu cầu và mong muốn thiết thực của người dân chứ không đơn thuần là chính sách một chiều từ chính phủ. Giải quyết được vấn đề này sẽ hạn chế việc một số làng luôn mong muốn làng mình chỉ duy trì ở mức kém phát triển để nhận được nhiều hỗ trợ từ chính phủ, tương tự như một số hộ, một số địa phương “không muốn thoát nghèo” ở Việt Nam.

Thứ ba, phải thực hiện việc đào tạo bền vững cho cán bộ cơ sở và người dân địa phương. Những cán bộ này sẽ là nòng cốt để thực hiện các dự án xây dựng nông thôn mới vì chính họ mới hiểu được tâm tư, nguyện vọng của người dân địa phương và các điều kiện phát triển của từng khu vực từ đó đề xuất được các phương hướng xây dựng nông thôn phù hợp. Để nâng cao hiệu quả của việc này, cần tập trung phát huy tối đa nguồn lực của người dân địa phương và nâng cao nhận thức của họ sao cho cả cộng đồng khu vực nông thôn cùng chung sức và tích cực tham gia.

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

- Ban chỉ đạo nông thôn mới (2017). *Báo cáo kết quả thực hiện chương trình quốc gia xây dựng nông thôn mới*.
 Ban chỉ đạo TW chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (2017). *Báo cáo kết quả thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2016 và phương hướng thực hiện nhiệm vụ năm 2017*.

Tiếng Anh

Loffler, E. (2007). *Public Management and Governance: An Introductory Text*. London: Routledge.

Peters, G. (2010). *Governance, politics and nation*. Seoul: Bobmunsa.

Tiếng Hàn

김용웅 (2003), “지역중심의 분권형 국토발전체제 구축방안”, 『국토연구』 통권 257호.

고영복 (2010), “사회학사전”, 서울: 사회문화연구소.

문영훈 (2012), 거버넌스 특성이 커뮤니티 개발정책 성과에 미치는 영향 연구: 한국의 살기좋은 지역만들기와 미국의 다운타운 재활성화를

중심으로, 서울대학교 박사학위논문.

염미경 외 (2004), “농촌개발과 지역거버넌스”, 『지역사회학』, 제5권 2호.

이동윤 (2009), “국내 정치와 지역 거버넌스”, 『국제정치논총』, 제48집 1호.

이성근 (2008), 『행복「희망」기회균등한 사회를 위한 H20 지역개발론』, 서울: 집현재.

이호 (2003), “주민운동과 지역네트워크”, 『도시와 빈곤』, 제60호.

호세전 (2010), “새마을운동 거버넌스의 중국적 적용”, 『한국사회』, 제11집 2호.

A STUDY ON THE RURAL DEVELOPMENT MODEL IN KOREAN SAEMAEUL MOVEMENT BASED ON THE THEORY OF LOCAL NETWORK GOVERNANCE

Tran Huu Tri

*Faculty of Korean Language and Culture, VNU University of Languages and International Studies,
Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Abstract: The article focuses on the Korean Saemaetul movement based on the theory of Local Network Governance. Network Governance, which emphasizes the role, organic collaboration between actors in solving social problems or rural development, is a very important theory to evaluate and analyze the rural development movement. As a whole, the rural development process is shaped by three main actors: the central government, the local authorities and the local people and, depending on the level of cooperation and interactions of these actors, the degrees of achievement are also different. Through this paper, we hope to suggest a model of rural development in Vietnam based on the theory of Local Network Governance and the Korean Saemaetul movement.

Keywords: Local Network, Governance, Korean Saemaetul movement, new rural development movement